

Gửi các bạn người nước ngoài đang sinh sống tại Nhật Bản
Bạn có đang phiền muộn vì bạo lực từ người bạn đời không?

日本で生活する外国人の方へ パートナーからの暴力で悩んでいませんか？

□ Bạo lực từ bạn đời (chồng, vợ, người yêu, v.v.) là điều không thể chấp nhận được.

パートナー(夫や妻、恋人など)からの暴力は許されないことです

Dù với bất kỳ lý do gì, người thực hiện hành vi bạo lực phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Bạn - người đang chịu đựng bạo lực - không có lỗi.

Bạn không cần phải dằn vặt rằng “do tôi sai” hay “do tôi chưa cố gắng đủ”.

Tâm hồn và thân thể của bạn là vô cùng quan trọng.

Tại Nhật Bản, có luật bảo vệ những người bị bạo lực từ bạn đời. Luật này cũng bảo vệ những người đang bị bạo lực từ người chồng (hoặc vợ) cũ. Đồng thời, luật này cũng bảo vệ cả những người nước ngoài đang sinh sống tại Nhật Bản.

暴力は、どんな理由があっても、暴力を振った人に責任があります。 暴力を受けているあなたは悪くありません。
「私が悪いから」「私の努力が足りないから」と悩むことはありません。 あなたの心と身体は、とても大切なものです。

日本には、パートナーから暴力を受けた人を守るための法律があります。 前の夫(または妻)の暴力を受けている人も守ります。
この法律は、日本に住んでいる外国人も守ります。

**Đừng một mình chịu đựng, hãy liên hệ để được
tư vấn và hỗ trợ.**

ひとりで悩まないで、相談してください

❑ **Có nhiều hình thức bạo lực khác nhau** いろいろな暴力があります

Bạo lực thân thể 身体的暴力

Đánh đập, đá, giật tóc, bóp cổ, dùng dao đe dọa, v.v.

たたく ける 髪をひっぱる 首をしめる
ナイフを見せておどす など

Bạo lực sử dụng con cái làm công cụ 子どもを利用した暴力

Dùng bạo lực trước mặt con cái, bạo hành con cái, cố giành/tước đoạt con cái, v.v.

子どもの前で暴力をふるう 子どもに暴力をふるう
子どもをとりあげようとする など

Bạo lực tinh thần 心理的暴力

Quát mắng lớn tiếng, không lắng nghe bạn nói và phớt lờ bạn, coi thường bạn trước mặt người khác, v.v.

大きな声で怒る あなたの話を聞かないで無視する
他の人の前でバカにする など

Bạo lực tình dục 性的暴力

Ép buộc quan hệ tình dục dù bạn không muốn, nói không được sinh con dù đã mang thai, không sử dụng biện pháp tránh thai, v.v.

いやがっているのに性行為をする
妊娠した子どもを産んではだめと言う
避妊をしない など

Bạo lực kinh tế 経済的暴力

Không đưa tiền sinh hoạt phí cần thiết, cấm đi làm bên ngoài, v.v.

必要なお金を渡さない 外で仕事をしてはだめと言う
など

Bạo lực đối với người nước ngoài 外国人への暴力

Không hỗ trợ gia hạn thời hạn lưu trú, đe dọa rằng “nếu ly hôn thì không thể ở lại Nhật” hoặc “người nước ngoài không thể giành được quyền nuôi con”, xúc phạm ngôn ngữ và văn hóa của bạn, v.v.

在留期間の更新を手伝わない 「離婚したら日本に
いられない」「外国人は子どもの親権がとれない」とおどす
あなたの言葉や文化を悪く言う など

Bạo lực xã hội 社会的暴力

Cấm bạn gặp gia đình hay bạn bè, kiểm tra toàn bộ tin nhắn, email của bạn, nghi ngờ bạn ngoại tình, v.v.

家族や友達と会ってはだめと言う あなたのメールを全部
見て調べる 浮気をしているとうたがう など



Tôi muốn thoát khỏi bạo lực từ người bạn đời (chồng, vợ, người yêu, v.v.). Nhưng không biết phải làm thế nào.

パートナー(夫や妻、恋人など)の暴力から逃げたい。
でもどうしたらよいかわからない。

Đừng một mình chịu đựng, hãy liên hệ để được tư vấn và hỗ trợ. Có những nơi an toàn để bạn tạm lánh. Trong trường hợp nguy hiểm, hãy gọi điện cho **cảnh sát**. Số điện thoại là **110**.

一人で悩まないで、相談してください。逃げるための場所もあります。
危ない時は、警察に電話してください。電話番号は**110**です。



☐ Hướng dẫn về các quầy tư vấn 相談窓口のご案内

Các quầy tư vấn được ghi ở đây đều miễn phí. Thông tin của bạn sẽ được giữ bí mật.
 Bạn cũng có thể tư vấn qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp tại tòa thị chính hay văn phòng hành chính nơi bạn đang sinh sống. Trong trường hợp tư vấn thông qua gặp trực tiếp, nếu cần thiết có thể sắp xếp phiên dịch.

こちらに記載されている相談窓口は無料です。秘密は守られます。
 あなたが住んでいるところの市役所や町役場でも電話や面接で相談ができます。
 面接で相談する場合は、必要に応じて通訳を手配することがあります。

☐ Các nơi tư vấn dành cho người nước ngoài

外国人のための相談ができるところ

Quầy tư vấn 相談窓口	Số điện thoại 電話番号	Ngôn ngữ hỗ trợ 対応言語	Ngày tư vấn 相談日	Phương thức tư vấn 相談方法		Thời gian tư vấn 相談時間
				Điện thoại 電話	Gặp trực tiếp 面接	
Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Hyogo Trung tâm Thông tin dành cho Cư dân người nước ngoài 兵庫県国際交流協会 外国人県民 インフォメーション センター	078-382-2052	Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha * Ngoài ra, có thể tư vấn bằng các ngôn ngữ khác thông qua phiên dịch bên ngoài qua điện thoại 日本語, 英語, 中国語 スペイン語, ポルトガル語 ※この他に電話による外部通訳を使って相談できる言語があります	Thứ Hai đến thứ Sáu (Tư vấn đời sống) 月～金曜日 (生活相談)	○	○	9:00-17:00
			Thứ Hai (Tư vấn pháp luật - Cản đặt hẹn trước) 月曜日 (法律相談・要予約)		○	13:00-15:00
Trung tâm cộng đồng quốc tế Kobe (KICC) 神戸国際コミュニティ センター (KICC)	078-742-8705	Tiếng Anh, tiếng Trung 英語, 中国語	Thứ Hai đến thứ Sáu 月～金曜日			10:00-12:00 13:00-17:00 * Có thể gọi điện từ 9:00 ※電話は 9:00～対応可
		Tiếng Việt ベトナム語	Thứ Hai, thứ Tư 月・水曜日			
		Tiếng Hàn quốc/Triều tiên 韓国・朝鮮語	Thứ Sáu 金曜日			
		Tiếng Tây Ban Nha スペイン語	Thứ Ba, thứ Năm 火・木曜日			
		Tiếng Bồ Đào Nha ポルトガル語	Thứ Năm 木曜日	○	○	
		Tiếng Philippines フィリピン語	Thứ Tư 水曜日			
		Tiếng Indonesia インドネシア語	Thứ Sáu 金曜日			
		Tiếng Nepal ネパール語	Thứ Hai 月曜日			
		Tiếng Thái タイ語	Thứ Ba 火曜日			

Quầy tư vấn 相談窓口	Số điện thoại 電話番号	Ngôn ngữ hỗ trợ 対応言語	Ngày tư vấn 相談日	Phương thức tư vấn 相談方法		Thời gian tư vấn 相談時間
				Điện thoại 電話	Gặp trực tiếp 面接	
Mạng lưới Hỗ trợ Người nước ngoài Kobe NGO NGO 神戸外国人 救援ネット	078-232-1290	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Nga * Tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Nga cần đặt hẹn trước 英語, 中国語, スペイン語, タガログ語, ポルトガル語 ベトナム語, ロシア語 ※中国語, ベトナム語, ロシア語は要予約	Thứ Sáu 金曜日	○	○	13:00-20:00
Trung tâm Tư vấn Toàn diện về Chung sống Đa văn hóa Hyogo ひょうご 多文化共生 総合相談 センター	078-232-1290	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Hàn/Triều Tiên, tiếng Thái, tiếng Indonesia, tiếng Mã Lai, tiếng Nepal, tiếng Myanmar, tiếng Khmer, tiếng Mông Cổ, tiếng Sinhala, tiếng Hindi, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Nga, tiếng Ukraina * Thông qua phiên dịch bên ngoài qua điện thoại 英語, 中国語, スペイン語 ポルトガル語, タガログ語, ベトナム語, 韓国・朝鮮語, タイ語, インドネシア語 マレー語, ネパール語, ミャンマー語, クメール語, モンゴル語, シンハラ語 ヒンディー語, フランス語, ドイツ語, イタリア語, ロシア語, ウクライナ語 ※電話による外部通訳	Thứ Bảy, Chủ Nhật 土曜日・日曜日	○	○	9:00-17:00
VIETNAM yêu mến KOBE ベトナム夢 KOBE	078-736-2987	Tiếng Nhật, tiếng Việt 日本語, ベトナム語	Thứ Ba đến thứ Sáu (Trừ ngày lễ) 火～金曜日 (祝日を除く)	○	○	10:00-17:00
Dự án Tự lập cho Phụ nữ Châu Á アジア女性自立プロジェクト	078-734-3633	Tiếng Nhật, tiếng Anh 日本語, 英語	Thứ Tư 水曜日	○	○	11:00-16:00
Quỹ Giáo dục Phúc lợi Châu Á Trụ sở Trợ giúp Người tị nạn - Chi nhánh Kansai アジア福祉教育財団 難民事業本部 関西支部	0120-090091	Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Việt 日本語, 英語, ベトナム語	Thứ Hai đến thứ Sáu 月～金曜日	○	○	9:30-17:00

❑ Quầy tư vấn về bạo lực từ bạn đời (chồng, vợ, người yêu, v.v.)

パートナー(夫や妻、恋人など)からの暴力相談窓口



Các quầy tư vấn này chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật.

こちらの相談窓口は日本語のみ対応可能です。

相談窓口	電話番号	相談日	相談方法		相談時間
			でんわ 電話	めんせつ 面接	
ひょうごけんじょせい かてい 兵庫県女性家庭センター ひょうごけんはいぐうしゅぼりやくそつだんしえん (兵庫県配偶者暴力相談支援センター) なや 悩みのほっとライン	078 (732)7700	まいにち 毎日 ねんまつねんしのぞ (年未年始除く)	○		9:00~12:00 13:00~21:00 うけつけしゅうりょう (受付 終了 20:30)
		ねんまつねんし 年未年始 がつ にち よくとし (12月29日から翌年1月3日)	○		9:00~12:00 13:00~17:00 うけつけしゅうりょう (受付 終了 16:30)
ひょうごけんりつだんじょきょうどうさんかく 兵庫県立男女共同参画センター・イーブン じょせい 女性のためのなやみ相談	078 (360)8551	げつ どようび 月~土曜日 しゅくじつ ねんまつねんしのぞ (祝日・年未年始除く)	○	○ ようやく 要予約	9:30~12:00 13:00~16:30
				めんせつようやくでんわばんごう 面接予約電話番号 078(360)8554	
だんせい 男性のためのなやみ相談	078 (360)8553	げんそく だい だい かようび 原則 第1・第3火曜日 ねんまつねんしのぞ (年未年始除く)	○		17:00~19:00
ひょうごけんけいさつほんぶ 兵庫県警察本部 ストーカー・DV相談	078 (371)7830	まいにち 毎日	○		24時間 じかん

❑ Nơi có thể tư vấn qua mạng xã hội (SNS) hoặc chat

SNS やチャットでも相談できるところ

Tư vấn bạo lực gia đình + DV相談+ 	Đường dây nóng Yorisoい よりそいホットライン 
--	--

❑ Nơi có thể tư vấn về tư cách lưu trú (Visa)

在留資格(ビザ)のことで相談できるところ

- Muốn gia hạn thời gian lưu trú. • Muốn thay đổi tư cách lưu trú nhưng người bạn đời (chồng/vợ) không hợp tác.
- Sau khi chia tay bạn đời, muốn tiếp tục sinh sống tại Nhật Bản cùng với con (con chung với người Nhật).

Trong những trường hợp như vậy, hãy liên hệ tư vấn với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Lưu trú.

- 在留期間を更新したい。 • 在留資格を変えたいのに、パートナー(夫や妻)が協力してくれない。
 - パートナーと離れたあと、日本人とのあいだに生まれた子どもといっしょに続けて日本に住みたい。
- そんなときは、出入国在留管理局に相談してください。

Quầy tư vấn này chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật. こちらの相談窓口は日本語のみ対応可能です。

相談窓口	電話番号	相談日	相談方法		相談時間
			でんわ 電話	めんせつ 面接	
おおさかしゅつにゅうこくざいりゅうかんりきょく 大阪出入国在留管理局 こうべしきょく 総務課 神戸支局	078 (391)6377	げつ きんようび 月~金曜日 しゅくじつ ねんまつねんしのぞ (祝日・年未年始除く)	○		8:30~12:00 13:00~16:00